

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 209/2022/HNGĐ – ST

Ngày: 28 – 12 – 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn
2. Bà Phan Hoàng Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Võ Ngọc Mến – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 406/2022/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 476/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 448/2022/QĐST – HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số A/B, khóm T, phường M, thành phố X, An Giang.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn N, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số C/D, khóm H, phường M, thành phố X, An Giang.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2022 và tại biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là bà Trần Thị M trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N tự tìm hiểu nhau được 01 năm và tự nguyện tiến đến hôn nhân. Ông bà có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND phường M ngày 15/6/2013. Hôn nhân lần thứ nhất của cả 2. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống hạnh phúc 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, ông N không có việc làm ổn định, đua đòi, không quan tâm đến gia đình, không phụ tiếp vợ chăm sóc con. Bà và cha mẹ chồng nhiều lần khuyên nhưng ông N vẫn không thay đổi. Khi bà

sinh con được 02 tháng, ông N yêu cầu bà mượn nợ để ông mua sắm xe honda, bà không đồng ý thì ông chửi rủa. Do cuộc sống vợ chồng lúc đó đã không còn hạnh phúc nên bà và con về nhà cha mẹ ruột ở đến nay. Thời gian đầu, ông N có đến thăm con được vài tháng. Đến đầu năm 2014, ông N nói với bà là đi D làm thuê và không còn tới lui, không còn điện thoại thăm con từ đó đến nay. Do hôn nhân giữa bà và ông N thực tế đã không còn, ông N cũng có gia đình khác nên bà yêu cầu được ly hôn. Ông N biết bà có gửi đơn ly hôn nhưng không muốn đến Tòa án.

Về con chung: Bà và ông N có 01 con chung tên Võ Trần Bảo T sinh ngày 03/6/2013. Bà là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con từ khi bé mới sinh cho đến nay nên bà mong muốn được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Võ Văn N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, bà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do hôn nhân giữa các bên không còn tồn tại nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M. Về con chung, nhận thấy con chung đang được bà M nuôi dưỡng và cháu T cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà M. Do ông N không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Trần Thị M và ông Võ Văn N là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố X. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[2] Xét thấy, căn cứ xác nhận của Công an phường M thể hiện, ông N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số C/D, khóm H, phường M, thành phố X, đã đủ cơ sở để xác định ông N có nơi cư trú hợp pháp là địa chỉ trên. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của các Điều 175 và 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông N tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Bà M có đơn đề ngày 18/11/2022 về việc đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm

b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị M và ông Võ Văn N tự nguyện tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường M cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 103/2013 ngày 15/6/2013, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Bà M cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn và tự ly thân từ năm 2014. Nguyên nhân do ông N không có việc làm ổn định, đua đòi, không quan tâm đến kinh tế gia đình, không phụ tiếp vợ chăm sóc, nuôi dạy con. Bà và cha mẹ chồng nhiều lần khuyên nhưng ông N vẫn không thay đổi. Phía ông N được Tòa án triệu tập nhiều lần và tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, ông N vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình qua yêu cầu ly hôn của bà M và không đến tham gia hòa giải. Như vậy, ông N đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

[5] Từ đó, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định, bà M và ông N không còn quan tâm lẫn nhau, mối quan hệ hôn nhân của ông bà đã không còn tồn tại từ lâu và tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà M được ly hôn ông N.

[6] Về con chung: Căn cứ vào bản sao giấy khai sinh số 0225/2013 được Ủy ban nhân dân phường M chứng nhận ngày 15/6/2013, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định, bà M và ông N có 01 (một) con chung tên Võ Trần Bảo T sinh ngày 03/6/2013. Xét thấy, cháu T có nguyện vọng được sống với mẹ và bà M cũng là người đang trực tiếp nuôi dưỡng con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà M không yêu cầu.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ý kiến của ông N về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét đến. Sau này, các bên phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về án phí: Bà M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà M đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000807 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, bà M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 176, Điều 179, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị M được ly hôn ông Võ Văn N.

- Về con chung: Bà M và ông N có 01 (một) con tên Võ Trần Bảo T sinh ngày 03/6/2013.

Bà M được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà M không yêu cầu.

Bà M cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông N được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Bà M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà M đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000807 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, bà M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà M và ông N được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự;
- UBND p. M;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phạm Xuân Khanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự;
- UBND p. M;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Phạm Xuân Khanh

